

MẶT TRẬN VIỆT MINH - MỐC SON GHI DẤU SỰ THAY ĐỔI CHIẾN LƯỢC CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

TS. LÝ VIỆT QUANG (*)

Tóm tắt: Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng nhiệm vụ giải phóng dân tộc và chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc. Mặt trận Việt Minh do Người sáng lập vừa là sự bổ sung, phát triển các hình thức mặt trận dân tộc thống nhất từng ra đời trước đó, vừa là mốc son ghi dấu sự thay đổi chiến lược cách mạng của Đảng, đưa đến thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Từ khóa: Mặt trận Việt Minh; Hồ Chí Minh; đại đoàn kết

Đoàn kết là truyền thống vô cùng quý báu của dân tộc Việt Nam, được hình thành và phát triển cùng với quá trình dựng nước và giữ nước. Trong thời đại Hồ Chí Minh, truyền thống quý báu đó đã được kế thừa và phát triển về chất lên tầm cao mới. Đoàn kết không chỉ là tình cảm tự nhiên, mà đã trở thành chiến lược cách mạng với hệ thống các luận điểm khoa học. Đoàn kết không chỉ riêng với giai cấp hay tầng lớp nào, mà là đại đoàn kết toàn dân tộc. Sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc được quy tụ và phát huy thông qua mặt trận dân tộc thống nhất. Mặt trận dân tộc thống nhất thực sự trở thành “cái vỏ vật chất” của tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc. Việc đề cao xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc và mặt trận dân tộc thống nhất được Hồ Chí Minh xác định trên cơ sở phân tích, xác định đúng đắn đường lối chiến lược

của cách mạng Việt Nam. Sự ra đời của Mặt trận Việt Minh do Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh sáng lập là cột mốc hết sức quan trọng trong lịch sử xây dựng Mặt trận Dân tộc thống nhất ở Việt Nam; đồng thời là mốc son đánh dấu sự thay đổi chiến lược của Đảng, đưa đến thắng lợi của cuộc vận động giải phóng dân tộc ở Việt Nam những năm 1939 - 1945.

Tại Hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930, do đồng chí Nguyễn Ái Quốc chủ trì, các đại biểu tham dự Hội nghị đã quyết nghị: “Đảng chỉ định một đồng chí chịu trách nhiệm họp đại biểu tất cả các đảng phái như Tân Việt, Thanh Niên, Quốc dân Đảng, Đảng Nguyễn An Ninh... để thành lập *Mặt trận phản đế mà về sau cá nhân hoặc tổ chức đều có thể gia nhập* (tác giả nhấn mạnh)”¹.

Quyết nghị trên đã thể hiện rõ tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc. Không chỉ riêng giai cấp công nhân và nông dân, mà các tổ chức, cá nhân thuộc các giai tầng khác trong xã hội có tinh thần yêu nước, chống đế quốc và tay sai đều có thể tìm được chỗ

(*) Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
¹ ĐCSVN, Văn kiện Đảng toàn tập, t.2, Nxb CTQG, HN. 1998, tr.13

đứng trong Mặt trận phản đế. Quyết nghị được đề ra trên cơ sở phân tích và xác định đường lối chiến lược, sách lược của cách mạng Việt Nam. *Chánh cương vắn tắt của Đảng* do Hồ Chí Minh soạn thảo, được Hội nghị thành lập Đảng thông qua đã xác định rõ nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là: “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”².

Tuy chỉ ra nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn đầu có hai nội dung là làm cách mạng tư sản dân quyền và làm cách mạng thổ địa, nhưng tinh thần cơ bản của *Chánh cương vắn tắt của Đảng* là đặt lên trên hết và trước hết nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Điều này được thể hiện ở 3 điểm:

Thứ nhất, nội dung chính trị trọng yếu của cuộc cách mạng là đánh đổ thực dân Pháp và bọn phong kiến tay sai, hướng tới mục tiêu: “Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập”³.

Thứ hai, nội dung kinh tế trọng yếu của cuộc cách mạng là tịch thu hết sản nghiệp lớn của tư bản Pháp giao cho Chính phủ cách mạng quản lý và tịch thu hết ruộng đất của đế quốc làm của công chia cho dân cày nghèo⁴.

Thứ ba, muốn thực hiện được những nội dung chính trị và kinh tế trọng yếu trên, *Sách lược vắn tắt của Đảng* xác định một trong những nhân tố quyết định là Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt... để tập hợp họ đi theo giai cấp vô sản. Còn đối với phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản người Việt mà chưa phản cách mạng thì phải lợi dụng, hoặc làm cho họ đứng trung lập, ngoại trừ bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng thì cần phải kiên quyết đánh đổ⁵.

Tinh thần đặt lên trên hết và trước hết

nhiệm vụ giải phóng dân tộc như trên là hoàn toàn phù hợp với thực tiễn xã hội Việt Nam đương thời - xã hội thuộc địa, còn mang nặng tàn dư phong kiến. Điều đó cho thấy, ngay từ khi ra đời, với vai trò sáng lập của Hồ Chí Minh, Đảng đã xác định đúng đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam.

Tuy nhiên, việc xác định đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam trong *Chánh cương vắn tắt của Đảng* lại không giống với quan điểm đương thời của Quốc tế Cộng sản - trung tâm lãnh đạo phong trào cách mạng thế giới trong nửa đầu thế kỉ XX. Đại hội lần thứ VI của Quốc tế Cộng sản (tháng 7 - tháng 9/1928) đã có những đóng góp quan trọng đối với phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa khi thông qua *Đề cương cách mạng thuộc địa*, xác định con đường của cách mạng giải phóng dân tộc ở mỗi nước. Tuy nhiên, Đại hội VI của Quốc tế Cộng sản cũng có hạn chế là đề cao đường lối “giai cấp chống giai cấp”, phủ nhận vai trò và khả năng cách mạng của các giai tầng xã hội khác ngoài giai cấp công nhân và nông dân.

Do ảnh hưởng đường lối của Đại hội VI Quốc tế Cộng sản, *Lược cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương* được Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ nhất (tháng 10/1930) thông qua đã xác định rõ, chống đế quốc và chống phong kiến là hai nhiệm vụ chiến lược có liên hệ mật thiết với nhau của cách mạng tư sản dân quyền ở Việt Nam. *Nội dung này thống nhất* với quan điểm của Hội nghị thành lập Đảng. Tuy nhiên, trong việc xác định mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ (chống đế quốc và chống phong kiến) hay nói cách khác là thứ tự ưu tiên giải quyết hai nhiệm vụ chiến lược, *Lược cương* có bước lùi so với *Chánh cương vắn tắt của Đảng* và *Sách lược vắn tắt của Đảng*. Do chịu ảnh hưởng đường lối “tả” khuynh của Đại hội VI Quốc tế Cộng sản và thiếu kinh nghiệm thực tiễn ở Việt Nam, nên quan

² và ³ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t. 3, Nxb CTQG, HN, 2011, tr.1 và 1

⁴ và ⁵ Hồ Chí Minh, *Sđd*, t. 3, tr.2 và 3

điểm nêu trong *Luận cương* đã xác định việc thực hiện hai nhiệm vụ (chống đế quốc và chống phong kiến) là tương đương và song song với nhau: “Sự cốt yếu của tư sản dân quyền cách mạng thì một mặt là phải tranh đấu để đánh đổ các di tích phong kiến, đánh đổ các cách bóc lột theo lối tiền tư bản và để thực hành thổ địa cách mạng cho triệt để, một mặt nữa là tranh đấu để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Hai mặt tranh đấu có liên lạc mật thiết với nhau, vì có đánh đổ đế quốc chủ nghĩa mới phá được cái giai cấp địa chủ và làm cách mạng thổ địa được thắng lợi; mà có phá tan chế độ phong kiến thì mới đánh đổ được đế quốc chủ nghĩa”⁶.

Cùng lúc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược mà không có sự phân biệt, ưu tiên trước sau sẽ khiến cho sức mạnh của cách mạng không thể tập trung. Điều này rõ ràng là chưa đáp ứng được yêu cầu đang bức thiết hơn hết, bao trùm hơn hết của xã hội Việt Nam lúc bấy giờ là giải phóng dân tộc.

Từ thực tiễn phong trào cách mạng diễn ra sôi nổi trong cả nước, nhất là ở vùng Nghệ An, Hà Tĩnh, chỉ thời gian ngắn sau Hội nghị Trung ương lần thứ nhất, Thường vụ Trung ương Đảng đã có sự điều chỉnh quan niệm về mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ (chống đế quốc và chống phong kiến). Chỉ thị *Về vấn đề thành lập Hội Phản đế đồng minh* ra ngày 18/11/1930 của Thường vụ Trung ương Đảng chỉ ra thực trạng các tổ chức cách mạng “*vẫn đơn thuần công nông và là một màu sắc nhất định*”, thiếu mặt tổ chức thật quảng đại quần chúng, thu hút các tầng lớp trên, trong đó có cả *những địa chủ có đầu óc oán ghét đế quốc Pháp*⁷.

Trong khi đó, thực tiễn phong trào cách mạng ở Nghệ An và Hà Tĩnh cho thấy, một

số lớn địa chủ và phú nông cùng một số quan lại nhỏ vùng nông thôn đã nghiêng về cách mạng, tỏ thái độ khâm phục, ủng hộ Đảng Cộng sản và phong trào công nông. Dù thực dân Pháp tiến hành khủng bố trắng nhưng nhiều người trong giai cấp địa chủ, nhất là địa chủ nhỏ “*vẫn cố gắng bám lấy cách mạng và âm thầm ủng hộ cách mạng*”⁸. Đây chính là cơ sở thuyết phục nhất cho quyết định của Trung ương Đảng coi trọng việc tổ chức Hội Phản đế đồng minh, nhằm thu hút, tập hợp tất cả những lực lượng chống đế quốc thành một khối đoàn kết chặt chẽ (trong đó bao hàm cả những người thuộc tầng lớp trên, như tư sản, địa chủ) là *một công tác cần khẩn* của cách mạng. Vì thế, tinh thần chung bản Chỉ thị của Thường vụ Trung ương Đảng ngày 18/11/1930 là *chú trọng hơn và đặt cao hơn nhiệm vụ chống đế quốc, giành lại độc lập dân tộc* so với nhiệm vụ chống phong kiến, đánh đổ địa chủ phong kiến và thực hiện cách mạng ruộng đất.

Tuy nhiên, trên thực tế, đường lối “tả” khuynh trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế khi đó vẫn tác động mạnh tới chủ trương, đường lối của Trung ương Đảng. Chỉ 3 tuần sau ngày Chỉ thị *Về vấn đề thành lập Hội Phản đế đồng minh* ra đời, trong *Thư của Trung ương gửi cho các cấp đảng bộ* ngày 9/12/1930, Trung ương Đảng phê bình chủ trương cho rằng, đối với trung tiểu địa chủ thì phải lợi dụng hoặc ít ra cũng làm cho họ đứng trung lập. *Thư* nêu rõ: “Chúng ta không thể chia địa chủ làm đại tiểu trung; hạng thì phản cách mạng, hạng thì theo cách mạng, v.v. như vậy được..., chúng nó là một giai cấp tuy đất ruộng không đồng nhau, nhưng đều là một bọn chỉ dùng cái quyền có đất để bóc lột dân nghèo, hãm hại kinh tế dân cày và ngăn cản sức sản xuất trong xứ, thù địch của dân cày không kém gì đế quốc chủ nghĩa. Và lại quyền lợi của chúng nó quan hệ mật thiết với quyền lợi

⁶ ĐCSVN, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t. 2, tr.94

^{7, 8 và 9} ĐCSVN, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.2, tr. 228, 229 - 230 và 235

của đế quốc chủ nghĩa cho nên chúng nó liên kết với đế quốc mà bóc lột dân cày"⁹.

Sau khi cao trào cách mạng 1930 - 1931 thất bại, *Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương* ra đời tháng 6/1932 nêu chủ trương: trong thời gian trước mắt là làm cho "Đông Dương hoàn toàn độc lập về kinh tế và chính trị", bằng cách "Đánh đổ ách thống trị của đế quốc Pháp" và "Đánh đổ các triều vua ở Trung Kỳ;... đánh đổ bọn lý hào"¹⁰.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ I (tháng 3/1935) khi đề cập tới phong trào công nhân và nông dân vẫn đánh giá tiêu cực về vai trò và khả năng cách mạng của giai cấp tư sản và địa chủ, thậm chí còn cho rằng, có sự câu kết chặt chẽ về chính trị, kinh tế giữa thực dân Pháp với giai cấp tư sản và giai cấp địa chủ phong kiến. Đối với giai cấp tư sản, Đại hội nhận định: "Bọn đế quốc đồng minh với tư sản bản xứ mà đàn áp công nhân, bọn lãnh tụ quốc gia cải lương và bọn lãnh tụ Công hội vàng (công hội thợ máy, súp phơ, cúp tóc, v.v. ở Nam Kỳ), bọn chỉ đạo các hội ái hữu bao hàm những người đồng nghề nghiệp chẳng những cấm công nhân bàn đến các vấn đề chính trị mà lại còn giúp đế quốc bắt bớ công nhân, lừa gạt quần chúng, cấm quần chúng lên con đường cách mạng, chúng là tử thù của công hội cách mạng vận động"¹¹.

Đối với giai cấp địa chủ phong kiến, Đại hội nêu chủ trương: "Đảng Cộng sản quả quyết rằng chỉ có con đường cách mạng điền địa, mật thiết liên lạc với cách mạng phản đế, tịch ký địa chủ người bản xứ và người ngoại quốc, chia ruộng đất của chúng cho nông

dân lao động, chỉ có con đường đó là con đường giải quyết nông nghiệp khủng hoảng theo quyền lợi giải phóng nông dân và quần đại quần chúng lao khổ Đông Dương"¹².

Như vậy, đến Đại hội I đường lối chiến lược của Đảng vẫn là vừa làm nhiệm vụ giải phóng dân tộc, vừa làm nhiệm vụ giải phóng giai cấp. Do đó, các hình thức Mặt trận Dân tộc thống nhất cho đến lúc này chỉ xác định tập hợp giai cấp công nhân và nông dân, còn các giai tầng xã hội khác không có chỗ đứng trong mặt trận.

Bước vào cao trào cách mạng dân chủ 1936 - 1939, Trung ương Đảng đã có bước tiến trong nhận thức và giải quyết mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược (chống đế quốc và chống phong kiến) khi chỉ ra rằng: "Cuộc dân tộc giải phóng không nhất định phải kết chặt với cuộc cách mạng điền địa... nếu việc tranh đấu chống đế quốc là cần kíp cho lúc hiện thời, còn vấn đề giải quyết điền địa tuy quan trọng nhưng chưa phải trực tiếp bắt buộc, thì có thể trước đánh đổ đế quốc rồi sau giải quyết vấn đề điền địa, nhưng cũng có khi vấn đề điền địa và phản đế liên tiếp giải quyết vấn đề này giúp cho vấn đề kia làm xong mục đích của cuộc vận động... Nói tóm lại, nếu phát triển cuộc tranh đấu chia đất mà ngăn trở cuộc tranh đấu phản đế thì phải lựa chọn vấn đề nào quan trọng hơn mà giải quyết trước. Nghĩa là chọn địch nhân chính, nguy hiểm nhất, để tập trung lực lượng của một dân tộc mà đánh cho được toàn thắng"¹³.

Tuy nhiên, trên thực tế, theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VII Quốc tế Cộng sản và trước sự thay đổi tình hình chính trị ở Pháp và Đông Dương, Trung ương Đảng chỉ đạo tạm gác các khẩu hiệu về giải phóng dân tộc và cách mạng ruộng đất để đoàn kết, tập trung các lực lượng dân chủ, tiến bộ đấu tranh "chống nạn phát xít, chống chính sách thuộc địa phản động", đòi "những điều dân chủ đơn sơ", đòi "quyền lợi hàng ngày cho

⁹ ĐCSVN, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.2, tr. 228, 229 - 230 và 235

¹⁰ ĐCSVN, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.4, tr.12

¹¹ và ¹² ĐCSVN, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.5, tr.33 và 47

¹³ ĐCSVN, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.6, tr.152

toàn dân” nhằm giáo dục và nâng cao ý thức cách mạng của quần chúng nhân dân.

Trong cao trào vận động giải phóng dân tộc những năm 1939 - 1945, từ sự phân tích sâu sắc về tình hình các giai tầng trong xã hội dưới tác động của chính sách cai trị phát xít của bọn phản động thuộc địa Pháp ở Đông Dương, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 11/1939 xác định nhiệm vụ của cách mạng Đông Dương: “Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng độc lập. Đế quốc Pháp còn, dân chúng Đông Dương chết. Đế quốc Pháp chết, dân chúng Đông Dương còn”¹⁴. Vì vậy, phải thành lập Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

Hội nghị cũng nêu rõ: “Khác với Mặt trận dân chủ là sự liên hiệp các giai cấp có ít nhiều tiến bộ, các đảng phái cách mệnh với các đảng phái cải lương để đòi cải cách tiến bộ, Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế là mặt trận cách mệnh là sự liên hiệp các dân tộc, các giai cấp, các đảng phái, các phần tử có tính chất phản đế”¹⁵.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 11/1940 chỉ ra chính sách vơ vét và sự đầu hàng của chính quyền thực dân Pháp khi phát xít Nhật xâm lược Đông Dương đã làm mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc và bọn xâm lược càng trở nên gay gắt. Hội nghị xác định sự gắn bó mật thiết giữa tính chất phản đế và thổ địa của cách mạng Đông Dương: “Cách mạng phản đế và cách mạng thổ địa phải đồng thời tiến, không thể cái làm trước cái làm sau. ... Mặc dầu lúc này khẩu hiệu cách mạng phản đế - cách

mạng giải phóng dân tộc cao hơn và thiết dụng hơn song nếu không làm được cách mạng thổ địa thì cách mạng phản đế khó thành công”¹⁶.

Như vậy, từ Hội nghị Trung ương tháng 11/1939 đến Hội nghị Trung ương tháng 11/1940, Trung ương Đảng đã chú trọng hơn, ưu tiên hơn việc thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc, nhưng phải đến Hội nghị Trung ương tháng 5/1941, nhiệm vụ giải phóng dân tộc ở Việt Nam mới được Trung ương Đảng đặt ở vị trí xứng đáng. Trước những biến chuyển mau lẹ của thời cuộc, Hội nghị đã quyết định: “Cần phải thay đổi chiến lược (tác giả nhấn mạnh)”¹⁷ và cho rằng: “cuộc cách mạng Đông Dương hiện tại không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề: phản đế và điền địa nữa, mà là cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp “dân tộc giải phóng”, vậy thì cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng”¹⁸.

Với mục tiêu phải vận dụng một phương pháp hiệu triệu hết sức thống thiết, làm sao đánh thức được tinh thần dân tộc xưa nay trong nhân dân (hơn hết là dân tộc Việt Nam), Hội nghị chủ trương: “cái mặt trận hiệu triệu của Đảng ta hiện nay không thể gọi như trước là Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương, mà phải đổi ra cái tên khác cho có tính chất dân tộc hơn, cho có một mãnh lực để hiệu triệu hơn và nhất là có thể thực hiện được trong tình thế hiện tại; vậy mặt trận hiệu triệu của Đảng ta hiện nay ở Việt Nam là Việt Nam độc lập đồng minh, hay nói tắt là Việt Minh”¹⁹. Đó là hình thức tổ chức có vai trò “liên hiệp hết thảy các tầng lớp nhân dân không phân biệt tôn giáo, đảng phái, xu hướng chính trị nào, giai cấp nào, đoàn kết chiến đấu để đánh đuổi Pháp - Nhật giành quyền độc lập cho xứ sở”²⁰.

(xem tiếp trang 48)

¹⁴ và ¹⁵ ĐCSVN, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.6, tr.536 và 537

¹⁶, ¹⁷, ¹⁸ ¹⁹ và ²⁰ ĐCSVN, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.7, tr. 68, 118, 119, 122 và 149